

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 55/2025/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2025

### **NGHỊ QUYẾT**

#### **Quy định một số nội dung chi và mức chi đặc thù thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 59/2020/QH14, Luật số 56/2024/QH15;*

*Căn cứ Luật Thủ đô số 39/2024/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 149/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Thông tư số 1539/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chi tiết về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam;*

*Xét Tờ trình số 429/TTr-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định nội dung chi và mức chi đặc thù thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố; Báo cáo thẩm tra số 163/BC-KTNS ngày 24 tháng 11 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận và biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố.*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quy định nội dung chi và mức chi đặc thù thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố.*

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định một số nội dung chi và mức chi đặc thù thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố, cụ thể:

1. Chế độ, chính sách đối với các đối tượng thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý, cán bộ Lão thành cách mạng, cán bộ Tiền khởi nghĩa đang cư trú và một số đối tượng hưởng chính sách trên địa bàn thành phố Hà Nội (*Chi tiết theo Phụ lục 01 kèm theo*);

2. Chế độ chỉ tiêu hoạt động của Đảng ủy các cơ quan Đảng Thành phố, Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố, Đảng ủy các trường Đại học và Cao đẳng Hà Nội và các Đảng ủy xã, phường thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội (*Chi tiết theo Phụ lục 02 kèm theo*);

3. Chế độ, định mức chi hỗ trợ tổ chức Đảng, các đoàn thể chính trị - xã hội trong các doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước trên địa bàn thành phố Hà Nội (Chi tiết theo Phụ lục 03 kèm theo).

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Đảng ủy các cơ quan Đảng Thành phố, Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố, Đảng ủy các trường Đại học và Cao đẳng Hà Nội.

2. Các đảng ủy xã, phường thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội.

3. Cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý, cán bộ Lão thành cách mạng, cán bộ Tiên khởi nghĩa đang cư trú và một số đối tượng hưởng chính sách trên địa bàn Thành phố.

4. Các tổ chức Đảng, các đoàn thể chính trị- xã hội trong các doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước trên địa bàn thành phố Hà Nội.

5. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

## **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp thành phố Hà Nội tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Đề nghị Văn phòng Thành ủy, các cơ quan thuộc Thành ủy phối hợp tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

## **Điều 4. Điều khoản thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội quy định một số nội dung chi và mức chi đặc thù thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

*Nghị quyết được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khoá XVI, kỳ họp 28 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2025./.*

**CHỦ TỊCH**

**Phùng Thị Hồng Hà**

**Phụ lục 01**

**QUY ĐỊNH MỘT SỐ CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CÁC  
ĐỐI TƯỢNG THUỘC DIỆN BAN THƯỜNG VỤ THÀNH ỦY HÀ NỘI  
QUẢN LÝ, CÁN BỘ LÃO THÀNH CÁCH MẠNG, CÁN BỘ TIỀN KHỞI  
NGHĨA ĐANG CƯ TRÚ VÀ MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG  
CHÍNH SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*(Kèm theo Nghị quyết số 55/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 11 năm 2025  
của Hội đồng nhân dân Thành phố)*

TT	Đối tượng	Chế độ cấp có thẩm quyền quy định <sup>1</sup>	Chế độ chi đặc thù của Thành phố	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Quy định nội dung chi và mức chi thực hiện chế độ nghỉ điều dưỡng, chế độ thăm hỏi ốm đau khi điều trị tại các cơ sở y tế, chế độ hỗ trợ chi phí tổ chức lễ tang và xây mộ, chế độ phúng viếng</b>			
<i>1</i>	<i>Điều dưỡng tập trung (theo Kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt)</i>		Mức chi thanh toán theo thực tế	
a	Nhóm 1: Bí thư, Phó Bí thư Thành ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố (nghỉ hưu)		01 lần/năm (07 ngày)	
b	Nhóm 2: Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy; Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; Trợ lý của đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy; Phó trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội chuyên trách Thành phố; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố (nghỉ hưu)		01 lần/năm (07 ngày)	
c	Nhóm 3: Thư ký đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy; Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố; Cấp trưởng các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp thuộc Thành ủy; Cấp trưởng cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố;		01 lần/năm (05 ngày)	

<sup>1</sup> Các văn bản của Văn phòng Trung ương Đảng: Quy định số 09-QĐ/VPTW ngày 22/9/2017 quy định một số chế độ chi tiêu hoạt động của các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương; Văn bản số 14612-CV/VPTW ngày 29/4/2025 về hướng dẫn thực hiện một số chế độ chi phục vụ hoạt động của các đảng ủy mới thành lập ở địa phương; Văn bản số 15136-CV/VPTW ngày 10/6/2025 về việc hướng dẫn và bổ sung hướng dẫn thực hiện một số chế độ chi phục vụ hoạt động của các đảng ủy mới thành lập ở địa phương; Văn bản số 15779-CV/VPTW ngày 29/6/2025 về việc hướng dẫn việc bảo đảm kinh phí phục vụ hoạt động của các đảng bộ xã, phường, đặc khu thành lập mới; Hướng dẫn số 56-HD/VPTW ngày 27/10/2015 về mức chi tiền thưởng kèm theo các hình thức khen thưởng đối với tổ chức đảng và đảng viên; Văn bản số 919-CV/VPTW/nb ngày 21/11/2016 quy định mức chi tiền thưởng kèm theo Huy hiệu 45 năm, 85 năm và 90 năm tuổi Đảng.

TT	Đối tượng	Chế độ cấp có thẩm quyền quy định <sup>1</sup>	Chế độ chi đặc thù của Thành phố	Ghi chú
	<p>Cấp trưởng các ban chuyên môn của Hội đồng nhân dân Thành phố, Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là Trưởng tổ chức chính trị - xã hội Thành phố; Bí thư Đảng ủy các trường đại học, cao đẳng Hà Nội; Đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Đoàn Đại biểu Quốc hội Thành phố; Cấp trưởng đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; Chủ tịch Hội đồng thành viên 04 Tổng công ty Nhà nước thuộc Thành phố (nghỉ hưu).</p> <p>Bí thư quận, huyện, thị ủy (chức danh khi nghỉ hưu trước 01/7/2025), Bí thư đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy trước kết thúc hoạt động và các chức danh cũ (bổ sung bảo lưu hưởng chế độ)</p>			
d	<p>Nhóm 4:</p> <p>Thư ký các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng; Thư ký các đồng chí Phó Bí thư Thành ủy giữ chức Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; Cấp phó các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp thuộc Thành ủy; Cấp phó cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; Cấp phó các ban chuyên môn của Hội đồng nhân dân, Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố; Phó Bí thư Đảng ủy chuyên trách Đảng bộ cơ quan Đảng, Đảng bộ Ủy ban nhân dân Thành phố (không là Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố); Phó Bí thư Đảng ủy các trường đại học, cao đẳng Hà Nội; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cấp phó các tổ chức chính trị - xã hội thuộc Thành phố; Bí thư đảng ủy xã, phường thuộc Thành phố; Cấp trưởng các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ thuộc Thành phố (nghỉ hưu);</p>		<p>01 lần/năm (05 ngày)</p>	

TT	Đối tượng	Chế độ cấp có thẩm quyền quy định <sup>1</sup>	Chế độ chi đặc thù của Thành phố	Ghi chú
	Phó bí thư đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy, Phó Bí thư quận, huyện, thị ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã (bổ sung bảo lưu các chức danh khi nghỉ hưu trước 01/7/2025 và kết thúc hoạt động hưởng chế độ).			
đ	<p>Nhóm 5:</p> <p>Ủy viên Ủy ban kiểm tra Thành ủy; Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường thuộc Thành phố; Cấp phó đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; Tổng giám đốc 04 Tổng công ty Nhà nước thuộc Thành phố; Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy (không bao gồm ủy viên ban thường vụ đảng ủy xã, phường). (Nghỉ hưu).</p> <p>Ủy viên Ban Thường vụ quận, huyện, thị ủy, Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã (chức danh khi nghỉ hưu trước 01/7/2025); Phó Tổng giám đốc các Tổng công ty Nhà nước thuộc Thành phố; Cấp phó các hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ thuộc Thành phố (chức danh khi nghỉ hưu trước khi quyết định phân cấp quản lý cán bộ của Thành ủy có hiệu lực) và các đối tượng còn lại thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý (Bổ sung bảo lưu hưởng chế độ) (nghỉ hưu)</p>		01 lần/năm (05 ngày)	
e	Nhóm 6: Cán bộ Lão thành cách mạng đang cư trú và hưởng chế độ trợ cấp tại các xã, phường trực thuộc Thành phố Hà Nội		01 lần/năm (07 ngày)	
g	Nhóm 7: Cán bộ Tiên khởi nghĩa đang cư trú và hưởng chế độ trợ cấp tại các xã, phường trực thuộc Thành phố Hà Nội		01 lần/năm (05 ngày)	
2	<b>Điều dưỡng tại nhà</b>			

TT	Đối tượng	Chế độ cấp có thẩm quyền quy định <sup>1</sup>	Chế độ chi đặc thù của Thành phố	Ghi chú
a	Nhóm 1: Bí thư, Phó Bí thư Thành ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố (cán bộ đương chức và cán bộ nghỉ hưu không đi điều dưỡng tập trung)		5.000.000 đồng/năm	
b	Nhóm 2: Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy; Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; Trợ lý của đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy; Phó trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội chuyên trách Thành phố; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố (cán bộ đương chức và cán bộ nghỉ hưu không đi điều dưỡng tập trung)		4.000.000 đồng/năm	
c	<p>Nhóm 3:</p> <p>Thư ký đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy; Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố; Cấp trưởng các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp thuộc Thành ủy; Cấp trưởng cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; Cấp trưởng các ban chuyên môn của Hội đồng nhân dân Thành phố, Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là Trưởng tổ chức chính trị - xã hội Thành phố; Bí thư Đảng ủy các trường đại học, cao đẳng Hà Nội; Đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Đoàn Đại biểu Quốc hội Thành phố; Cấp trưởng đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; Chủ tịch Hội đồng thành viên 04 Tổng công ty Nhà nước thuộc Thành phố (cán bộ đương chức và cán bộ nghỉ hưu không đi điều dưỡng tập trung).</p> <p>Bí thư quận, huyện, thị ủy (chức danh khi nghỉ hưu trước 01/7/2025, Bí thư đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy trước kết thúc hoạt động và các chức danh cũ bổ sung bảo lưu hưởng chế độ) (không đi điều dưỡng tập trung)</p>		3.000.000 đồng/năm	

TT	Đối tượng	Chế độ cấp có thẩm quyền quy định <sup>1</sup>	Chế độ chi đặc thù của Thành phố	Ghi chú
d	<p>Nhóm 4:</p> <p>Thư ký các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng; Thư ký các đồng chí Phó Bí thư Thành ủy giữ chức Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; Cấp phó các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp thuộc Thành ủy; Cấp phó cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; Cấp phó các ban chuyên môn của Hội đồng nhân dân, Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố; Phó Bí thư Đảng ủy chuyên trách Đảng bộ cơ quan Đảng, Đảng bộ Ủy ban nhân dân Thành phố (không là Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố); Phó Bí thư Đảng ủy các trường đại học, cao đẳng Hà Nội; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cấp phó các tổ chức chính trị - xã hội thuộc Thành phố; Bí thư đảng ủy xã, phường thuộc Thành phố; Cấp trưởng các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ thuộc Thành phố (cán bộ đương chức và cán bộ nghỉ hưu không đi điều dưỡng tập trung);</p> <p>Phó bí thư đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy, Phó Bí thư quận, huyện, thị ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã (bổ sung bảo lưu các chức danh khi nghỉ hưu trước 01/7/2025 và kết thúc hoạt động đơn vị hưởng chế độ) (không đi điều dưỡng tập trung)</p>		2.500.000 đồng/năm	
đ	<p>Nhóm 5:</p> <p>Ủy viên Ủy ban kiểm tra Thành ủy; Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường thuộc Thành phố; Cấp phó đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; Tổng giám đốc 04 Tổng công ty Nhà nước thuộc Thành phố; Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy (không bao gồm ủy viên ban thường vụ đảng ủy xã, phường)</p> <p>(cán bộ đương chức và cán bộ nghỉ hưu không đi điều dưỡng tập trung).</p>		1.500.000 đồng/năm	

TT	Đối tượng	Chế độ cấp có thẩm quyền quy định <sup>1</sup>	Chế độ chi đặc thù của Thành phố	Ghi chú
	<p>Ủy viên Ban Thường vụ quận, huyện, thị ủy, Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã (chức danh khi nghỉ hưu trước 01/7/2025); Phó Tổng giám đốc các Tổng công ty Nhà nước thuộc Thành phố; Cấp phó các hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ thuộc Thành phố (chức danh khi nghỉ hưu trước khi quyết định phân cấp quản lý cán bộ của Thành ủy có hiệu lực) và các đối tượng còn lại thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý (Bổ sung bảo lưu hưởng chế độ) (cán bộ nghỉ hưu không đi điều dưỡng tập trung).</p>			
e	<p>Nhóm 6: Cán bộ Lão thành cách mạng đang cư trú và hưởng chế độ trợ cấp tại các xã, phường trực thuộc Thành phố Hà Nội (không đi điều dưỡng tập trung)</p>		<p>4.000.000 đồng/năm</p>	
g	<p>Nhóm 7: Cán bộ Tiền khởi nghĩa đang cư trú và hưởng chế độ trợ cấp tại các xã, phường trực thuộc Thành phố Hà Nội (không đi điều dưỡng tập trung)</p>		<p>2.500.000 đồng/năm</p>	
3	<p><b>Chế độ thăm hỏi ốm đau khi điều trị tại các cơ sở y tế</b></p>			
a	<p>Nhóm 1: Bí thư, Phó Bí thư Thành ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố (đương chức và nghỉ hưu)</p>	<p>Tối đa 2.000.000 đồng/người/lần</p>	<p>Hỗ trợ thêm quà thăm trị giá 500.000 đồng/người/lần và tiền mặt bằng 2.500.000 đồng/người/lần</p>	
b	<p>Nhóm 2: Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy; Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; Trợ lý của đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy; Phó trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội chuyên trách Thành phố; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố (đương chức và nghỉ hưu)</p>			

TT	Đối tượng	Chế độ cấp có thẩm quyền quy định <sup>1</sup>	Chế độ chi đặc thù của Thành phố	Ghi chú
-	Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ thành phố Hà Nội	Tối đa 2.000.000 đồng/người/lần	Hỗ trợ thêm quà thăm trị giá 500.000 đồng/người/lần và tiền mặt bằng 2.000.000 đồng/người/lần	
-	Cán bộ giữ chức danh tại điểm b nêu trên (trừ Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ thành phố Hà Nội)		Quà thăm trị giá 500.000 đồng/người/lần và tiền mặt bằng 4.000.000 đồng/người/lần	
c	<p>Nhóm 3:</p> <p>Thư ký đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy; Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố; Cấp trưởng các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp thuộc Thành ủy; Cấp trưởng cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; Cấp trưởng các ban chuyên môn của Hội đồng nhân dân Thành phố, Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là Trưởng tổ chức chính trị - xã hội Thành phố; Bí thư Đảng ủy các trường đại học, cao đẳng Hà Nội; Đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Đoàn Đại biểu Quốc hội Thành phố; Cấp trưởng đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; Chủ tịch Hội đồng thành viên 04 Tổng công ty Nhà nước thuộc Thành phố (đương chức và nghỉ hưu). Bí thư quận, huyện, thị ủy (chức danh khi nghỉ hưu trước 01/7/2025, Bí thư đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy trước kết thúc hoạt động và các chức danh cũ bổ sung bảo lưu hưởng chế độ)</p>			

TT	Đối tượng	Chế độ cấp có thẩm quyền quy định <sup>1</sup>	Chế độ chi đặc thù của Thành phố	Ghi chú
-	Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ thành phố Hà Nội	Tối đa 2.000.000 đồng/người/lần	Hỗ trợ thêm quà thăm trị giá 500.000 đồng/người/lần và tiền mặt bằng 1.000.000 đồng/người/lần	
-	<p>Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố, Đảng ủy các cơ quan Đảng Thành phố.</p> <p>Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy khối trực thuộc Thành ủy Hà Nội (chức danh nghỉ hưu trước khi kết thúc hoạt động)</p>	Tối đa 2.000.000 đồng/người/lần	Hỗ trợ thêm quà thăm trị giá 500.000 đồng/người/lần và tiền mặt bằng 1.000.000 đồng/người/lần	
-	<p>Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy các trường Đại học, cao đẳng Hà Nội.</p> <p>Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành quận, huyện, thị ủy và Đảng ủy Khu công nghiệp và chế xuất trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội (chức danh nghỉ hưu trước 01 tháng 7 năm 2025 và kết thúc hoạt động)</p>	Tối đa 1.000.000 đồng/người/lần	Hỗ trợ thêm quà thăm trị giá 500.000 đồng/người/lần và tiền mặt bằng 2.000.000 đồng/người/lần	
-	Cán bộ giữ chức danh tại điểm c nêu trên (trừ Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ thành phố Hà Nội; Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành: Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố, Đảng ủy các cơ quan Đảng Thành phố, Đảng ủy các Trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội; Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy khối, quận, huyện, thị ủy, Đảng ủy Khu công nghiệp và chế xuất trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội (chức danh nghỉ hưu trước 01 tháng 7 năm 2025 và kết thúc hoạt động)		Quà thăm trị giá 500.000 đồng/người/lần và tiền mặt bằng 3.000.000 đồng/người/lần	

TT	Đối tượng	Chế độ cấp có thẩm quyền quy định <sup>1</sup>	Chế độ chi đặc thù của Thành phố	Ghi chú
d	<p>Nhóm 4:</p> <p>Thư ký các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng; Thư ký các đồng chí Phó Bí thư Thành ủy giữ chức Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; Cấp phó các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp thuộc Thành ủy; Cấp phó cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; Cấp phó các ban chuyên môn của Hội đồng nhân dân, Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố; Phó Bí thư Đảng ủy chuyên trách Đảng bộ cơ quan Đảng, Đảng bộ Ủy ban nhân dân Thành phố (không là Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố); Phó Bí thư Đảng ủy các trường đại học, cao đẳng Hà Nội; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cấp phó các tổ chức chính trị - xã hội thuộc Thành phố; Bí thư đảng ủy xã, phường thuộc Thành phố; Cấp trưởng các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ thuộc Thành phố (đương chức và nghỉ hưu);</p> <p>Phó bí thư đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy, Phó Bí thư quận, huyện, thị ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã (bổ sung bảo lưu các chức danh khi nghỉ hưu trước 01/7/2025 và kết thúc hoạt động đơn vị hưởng chế độ)</p>			
-	<p>Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố, Đảng ủy các cơ quan Đảng Thành phố;</p> <p>Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy khối trực thuộc Thành ủy (chức danh trước khi kết thúc hoạt động);</p>	Tối đa 2.000.000 đồng/người/lần	Hỗ trợ thêm quà thăm trị giá 500.000 đồng/người/lần và tiền mặt bằng 500.000 đồng/người/lần	

TT	Đối tượng	Chế độ cấp có thẩm quyền quy định <sup>1</sup>	Chế độ chi đặc thù của Thành phố	Ghi chú
-	<p>Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy các Trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội;</p> <p>Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành quận, huyện, thị ủy và Đảng ủy Khu công nghiệp và chế xuất trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội (chức danh trước nghỉ hưu trước 01 tháng 7 năm 2025 và kết thúc hoạt động của đơn vị);</p>	<p>Tối đa 1.000.000 đồng/người/lần</p>	<p>Hỗ trợ thêm quà thăm trị giá 500.000 đồng/người/lần và tiền mặt bằng 1.500.000 đồng/người/lần</p>	
-	<p>Cán bộ giữ chức danh tại điểm d nêu trên (trừ Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố, Đảng ủy các cơ quan Đảng Thành phố, Đảng ủy các Trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội; Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy khối, quận, huyện, thị ủy, Đảng ủy Khu công nghiệp và chế xuất trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội (chức danh nghỉ hưu trước 01 tháng 7 năm 2025 và kết thúc hoạt động).</p>		<p>Quà thăm trị giá 500.000 đồng/người/lần và tiền mặt bằng 2.500.000 đồng/người/lần</p>	
đ	<p>Nhóm 5:</p> <p>Các đồng chí là Ủy viên Ủy ban kiểm tra Thành ủy; Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường thuộc Thành phố; Cấp phó đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; Tổng giám đốc 04 Tổng công ty Nhà nước thuộc Thành phố; Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy (không bao gồm ủy viên ban thường vụ đảng ủy xã, phường). (đương chức và nghỉ hưu)</p> <p>Ủy viên Ban Thường vụ quận, huyện, thị ủy, Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã (chức danh khi nghỉ hưu trước 01/7/2025); Phó Tổng giám đốc các Tổng công ty Nhà nước thuộc Thành phố; Cấp phó các hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ thuộc Thành phố (chức danh khi nghỉ hưu trước khi quyết định phân cấp quản lý cán bộ của Thành ủy có hiệu lực) và các đối tượng còn lại thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý (nghỉ hưu) (bổ sung bảo lưu hưởng chế độ).</p>			

TT	Đối tượng	Chế độ cấp có thẩm quyền quy định <sup>1</sup>	Chế độ chi đặc thù của Thành phố	Ghi chú
-	<p>Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố, Đảng ủy các cơ quan Đảng Thành phố.</p> <p>Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy khối trực thuộc Thành ủy Hà Nội (nghỉ hưu trước khi kết thúc hoạt động bảo lưu để hưởng chế độ)</p>	Tối đa 2.000.000 đồng/người/lần	Hỗ trợ thêm quà thăm trị giá 500.000 đồng/người/lần	
-	<p>Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy các trường Đại học, cao đẳng Hà Nội.</p> <p>Ủy viên Ban Thường vụ quận, huyện, thị ủy và Đảng ủy Khu công nghiệp và chế xuất trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội (nghỉ hưu trước 01 tháng 7 năm 2025 và kết thúc hoạt động bảo lưu để hưởng chế độ)</p>	Tối đa 1.000.000 đồng/người/lần	Hỗ trợ thêm quà thăm trị giá 500.000 đồng/người/lần và tiền mặt bằng 1.000.000 đồng/người/lần	
-	<p>Cán bộ giữ chức danh tại điểm đ nêu trên (trừ Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố, Đảng ủy các cơ quan Đảng Thành phố, Đảng ủy các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội; Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy khối, quận, huyện, thị ủy, Đảng ủy Khu công nghiệp và chế xuất trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội) (nghỉ hưu trước 01 tháng 7 năm 2025 và kết thúc hoạt động bảo lưu để hưởng chế độ).</p>		Quà thăm trị giá 500.000 đồng/người/lần và tiền mặt bằng 2.000.000 đồng/người/lần	
e	Nhóm 6: Cán bộ Lão thành cách mạng đang cư trú và hưởng chế độ trợ cấp tại các xã, phường trực thuộc thành phố Hà Nội		Quà thăm trị giá 500.000 đồng/người/lần và tiền mặt bằng 4.000.000 đồng/người/lần	
g	Nhóm 7: Cán bộ Tiền khởi nghĩa đang cư trú và hưởng chế độ trợ cấp tại các xã, phường thuộc thành phố Hà Nội.		Quà thăm trị giá 500.000 đồng/người/lần và tiền mặt bằng 3.000.000 đồng/người/lần	

TT	Đối tượng	Chế độ cấp có thẩm quyền quy định <sup>1</sup>	Chế độ chi đặc thù của Thành phố	Ghi chú
i	<p>Ủy viên Ban Chấp hành Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố, Đảng ủy Các cơ quan Đảng Thành phố, Đảng ủy các Trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội; Ủy viên Ban Chấp hành Đảng ủy xã, phường trực thuộc Thành ủy Hà Nội (đương chức và nghỉ hưu).</p> <p>Ủy viên Ban Chấp hành Đảng ủy khối, quận ủy, huyện ủy, thị ủy, Đảng ủy các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội nghỉ hưu (chức danh nghỉ hưu trước 01 tháng 7 năm 2025)</p>			
-	<p>Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố, Đảng ủy Các cơ quan Đảng Thành phố. Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy khối trực thuộc Thành ủy Hà Nội (chức danh nghỉ hưu trước 01 tháng 7 năm 2025)</p>	<p>Tối đa 2.000.000 đồng/người/lần</p>	<p>Hỗ trợ thêm quà thăm trị giá 500.000 đồng/người/lần</p>	
-	<p>Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy các Trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội; các Đảng bộ xã, phường trực thuộc Thành ủy Hà Nội.</p> <p>Ủy viên Ban chấp hành quận, huyện, thị ủy và Đảng ủy Khu công nghiệp và chế xuất trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội (chức danh nghỉ hưu trước 01 tháng 7 năm 2025)</p>	<p>Tối đa 1.000.000 đồng/người/lần</p>	<p>Hỗ trợ thêm quà thăm trị giá 500.000 đồng/người/lần và tiền mặt bằng 1.000.000 đồng/người/lần</p>	
k	<p>Cán bộ, công chức, người lao động (kể cả người đã nghỉ hưu) làm việc tại các Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố, Đảng ủy Các cơ quan Đảng Thành phố, Đảng ủy các Trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội, Đảng ủy các xã, phường trực thuộc Thành ủy Hà Nội;</p> <p>Cán bộ, công chức, người lao động đã nghỉ hưu làm việc tại các Đảng ủy khối, quận ủy, huyện ủy, thị ủy, Đảng ủy các khu công nghiệp và chế xuất trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội (chức danh nghỉ hưu trước 01 tháng 7 năm 2025 và kết thúc hoạt động)</p>			

TT	Đối tượng	Chế độ cấp có thẩm quyền quy định <sup>1</sup>	Chế độ chi đặc thù của Thành phố	Ghi chú
-	<p>Cán bộ, công chức, người lao động (kể cả người đã nghỉ hưu) làm việc tại Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố, Đảng ủy Các cơ quan Đảng Thành phố.</p> <p>Cán bộ, công chức, người lao động tại các Đảng ủy khối trực thuộc Thành ủy Hà Nội (chức danh nghỉ hưu trước 01/7/2025)</p>	Tối đa 1.000.000 đồng/người/lần		
-	<p>Cán bộ, công chức, người lao động (kể cả người đã nghỉ hưu) làm việc tại Đảng ủy các Trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội; làm việc tại các Đảng ủy xã, phường trực thuộc Thành ủy Hà Nội;</p> <p>Cán bộ, công chức, người lao động người đã nghỉ hưu làm việc tại các quận, huyện, thị uỷ, đảng ủy các khu công nghiệp và chế xuất trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội (chức danh nghỉ hưu trước 01/7/2025 và kết thúc hoạt động)</p>	Tối đa 500.000 đồng/người/lần	Hỗ trợ thêm 500.000 đồng/người/lần	
4	<b>Chế độ hỗ trợ Lễ tang</b> (ngoài mức kinh phí theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội Việt Nam)			
a	Nhóm 1: Bí thư, Phó Bí thư Thành ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố (đương chức và nghỉ hưu)	Thực hiện Thông tư số 74/2013/TT-BTC, ngày 04 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định các khoản chi phí và thực hiện việc cấp, quyết toán ngân sách Nhà nước phục vụ Lễ Quốc tang, Lễ tang cấp Nhà nước, Lễ tang cấp cao		
b	Nhóm 2: Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy; Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; Trợ lý của đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy; Phó trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội chuyên trách Thành phố; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố (đương chức và nghỉ hưu)		40.000.000 đồng	

TT	Đối tượng	Chế độ cấp có thẩm quyền quy định <sup>1</sup>	Chế độ chi đặc thù của Thành phố	Ghi chú
c	<p>Nhóm 3:</p> <p>Thư ký đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy; Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố; Cấp trưởng các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp thuộc Thành ủy; Cấp trưởng cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; Cấp trưởng các ban chuyên môn của Hội đồng nhân dân, Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là Trưởng tổ chức chính trị - xã hội Thành phố; Bí thư Đảng ủy các trường đại học, cao đẳng Hà Nội; Đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Đoàn Đại biểu Quốc hội Thành phố;- Cấp trưởng đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; Chủ tịch Hội đồng thành viên 04 Tổng công ty Nhà nước thuộc Thành phố (đương chức và nghỉ hưu)</p> <p>Bí thư quận, huyện, thị ủy (chức danh khi nghỉ hưu trước 01 tháng 7 năm 2025); Bí thư đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy (chức danh nghỉ hưu trước khi kết thúc hoạt động) và các chức danh cũ khác nghỉ hưu trước khi kết thúc hoạt động bổ sung hưởng chế độ</p>		30.000.000 đồng	
d	<p>Nhóm 4:</p> <p>Thư ký các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng; Thư ký các đồng chí Phó Bí thư Thành ủy giữ chức Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; Cấp phó các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp thuộc Thành ủy; Cấp phó cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; Cấp phó các ban chuyên môn của Hội đồng nhân dân, Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố; Phó Bí thư Đảng ủy chuyên trách Đảng bộ cơ quan Đảng, Đảng bộ Ủy</p>		25.000.000 đồng	

TT	Đối tượng	Chế độ cấp có thẩm quyền quy định <sup>1</sup>	Chế độ chi đặc thù của Thành phố	Ghi chú
	<p>ban nhân dân Thành phố (không là Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố); Phó Bí thư Đảng ủy các trường đại học, cao đẳng Hà Nội; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cấp phó các tổ chức chính trị - xã hội thuộc Thành phố; Bí thư đảng ủy xã, phường thuộc Thành phố; Cấp trưởng các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ thuộc Thành phố (đương chức và nghỉ hưu); Phó Bí thư quận, huyện, thị ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, Phó bí thư đảng ủy cấp trên cơ sở (bổ sung bảo lưu tất cả các chức danh khi nghỉ hưu trước 01/7/2025 và kết thúc hoạt động đơn vị hưởng chế độ).</p>			
đ	<p>Nhóm 5:          Ủy viên Ủy ban kiểm tra Thành ủy; Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường thuộc Thành phố; Cấp phó đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; Tổng giám đốc 04 Tổng công ty Nhà nước thuộc Thành phố; Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy (không bao gồm ủy viên ban thường vụ đảng ủy xã, phường)          (đương chức và nghỉ hưu);          Ủy viên Ban Thường vụ quận, huyện, thị ủy, Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã (chức danh khi nghỉ hưu trước 01/7/2025); Phó Tổng giám đốc các Tổng công ty Nhà nước thuộc Thành phố; Cấp phó các hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ thuộc Thành phố (chức danh khi nghỉ hưu trước khi quyết định phân cấp quản lý cán bộ của Thành ủy có hiệu lực) và các đối tượng còn lại thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý (bảo lưu hưởng chế độ)</p>		15.000.000 đồng	

TT	Đối tượng	Chế độ cấp có thẩm quyền quy định <sup>1</sup>	Chế độ chi đặc thù của Thành phố	Ghi chú
e	Nhóm 6: Cán bộ Lão thành cách mạng đang cư trú và hưởng chế độ trợ cấp tại các xã, phường trực thuộc thành phố Hà Nội		40.000.000 đồng	
g	Nhóm 7: Cán bộ Tiền khởi nghĩa đang cư trú và hưởng chế độ trợ cấp tại các xã, phường thuộc thành phố Hà Nội.		25.000.000 đồng	
<b>5</b>	<b>Chế độ phúng viếng</b>			
a	Nhóm 1: Bí thư, Phó Bí thư Thành ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố (đương chức và nghỉ hưu)	2.500.000 đồng/người và 01 vòng hoa	Hỗ trợ thêm 2.000.000 đồng/người	Vòng hoa tối đa 1.500.000 đồng
b	Nhóm 2: Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy; Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; Trợ lý của đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy; Phó trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội chuyên trách Thành phố; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố (đương chức và nghỉ hưu)			
-	Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ thành phố Hà Nội	2.500.000 đồng/người và 01 vòng hoa	Hỗ trợ thêm 1.500.000 đồng/người	Vòng hoa tối đa 1.500.000 đồng
-	Cán bộ giữ chức danh tại điểm b nêu trên (trừ Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy)		4.000.000 đồng/người	Vòng hoa tối đa 1.500.000 đồng
c	Nhóm 3: Thư ký đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy; Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố; Cấp trưởng các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp thuộc Thành ủy; Cấp trưởng cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; Cấp trưởng các ban chuyên môn của Hội đồng nhân dân, Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận			

TT	Đối tượng	Chế độ cấp có thẩm quyền quy định <sup>1</sup>	Chế độ chi đặc thù của Thành phố	Ghi chú
	Tổ quốc Việt Nam là Trường tổ chức chính trị - xã hội Thành phố; Bí thư Đảng ủy các trường đại học, cao đẳng Hà Nội; Đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Đoàn Đại biểu Quốc hội Thành phố; Cấp trường đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; Chủ tịch Hội đồng thành viên 04 Tổng công ty Nhà nước thuộc Thành phố (đương chức và nghỉ hưu). Bí thư đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy, Bí thư quận, huyện, thị ủy (bổ sung bảo lưu các chức danh khi nghỉ hưu trước 01/7/2025 và kết thúc hoạt động đơn vị hưởng chế độ).			
-	Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ thành phố Hà Nội	2.500.000 đồng/người và 01 vòng hoa	Hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/người	Vòng hoa tối đa 1.500.000 đồng
-	Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố, Đảng ủy các cơ quan Đảng Thành phố; Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy khối trực thuộc Thành ủy Hà Nội (nghỉ hưu trước khi kết thúc hoạt động bảo lưu để hưởng chế độ)	2.500.000 đồng/người và 01 vòng hoa	Hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/người	Vòng hoa tối đa 1.500.000 đồng
-	Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy các Trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội. Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành quận, huyện, thị ủy và Đảng ủy Khu công nghiệp và chế xuất trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội (chức danh nghỉ hưu trước 01 tháng 7 năm 2025 và kết thúc hoạt động đề xuất bảo lưu hưởng chế độ)	Tối đa 1.250.000 đồng/người và 01 vòng hoa	Hỗ trợ thêm 2.250.000 đồng/người	Vòng hoa tối đa 1.500.000 đồng

TT	Đối tượng	Chế độ cấp có thẩm quyền quy định <sup>1</sup>	Chế độ chi đặc thù của Thành phố	Ghi chú
-	<p>Cán bộ giữ chức danh tại điểm c nêu trên (trừ Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ Thành phố; Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố, Đảng ủy các cơ quan Đảng Thành phố, Đảng ủy các Trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội trực thuộc Thành ủy Hà Nội) (bổ sung bảo lưu chức danh cũ trước khi kết thúc hoạt động của đơn vị hưởng chế độ)</p>		<p>3.500.000 đồng/người</p>	<p>Vòng hoa tối đa 1.500.000 đồng</p>
d	<p>Nhóm 4: Thư ký các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng; Thư ký các đồng chí Phó Bí thư Thành ủy giữ chức Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; Cấp phó các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp thuộc Thành ủy; Cấp phó cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; Cấp phó các ban chuyên môn của Hội đồng nhân dân, Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố; Phó Bí thư Đảng ủy chuyên trách Đảng bộ cơ quan Đảng, Đảng bộ Ủy ban nhân dân Thành phố (không là Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố); Phó Bí thư Đảng ủy các trường đại học, cao đẳng Hà Nội; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cấp phó các tổ chức chính trị - xã hội thuộc Thành phố; Bí thư đảng ủy xã, phường thuộc Thành phố; Cấp trưởng các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ thuộc Thành phố (đương chức và nghỉ hưu); Phó bí thư đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy, Phó Bí thư quận, huyện, thị ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã (chức danh khi nghỉ hưu trước 01/7/2025 và tất cả các chức danh nghỉ hưu khi kết thúc hoạt động của đơn vị bổ sung bảo lưu hưởng chế độ)</p>			

TT	Đối tượng	Chế độ cấp có thẩm quyền quy định <sup>1</sup>	Chế độ chi đặc thù của Thành phố	Ghi chú
-	<p>Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố, Đảng ủy các cơ quan Đảng Thành phố.</p> <p>Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy khối trực thuộc Thành ủy Hà Nội (nghỉ hưu trước khi kết thúc hoạt động bảo lưu để hưởng chế độ);</p>	2.500.000 đồng/người và 01 vòng hoa	Hỗ trợ thêm 500.000 đồng/người	Vòng hoa tối đa 1.500.000 đồng
-	<p>Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy các Trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội; Bí thư Đảng ủy xã, phường</p> <p>Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành quận, huyện, thị ủy và Đảng ủy Khu công nghiệp và chế xuất trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội (chức danh nghỉ hưu trước 01 tháng 7 năm 2025 và kết thúc hoạt động)</p>	Tối đa 1.250.000 đồng/người và 01 vòng hoa	Hỗ trợ thêm 1.750.000 đồng/người	Vòng hoa tối đa 1.500.000 đồng
-	Cán bộ giữ chức danh tại điểm d nêu trên (trừ Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố, Đảng ủy các cơ quan Đảng Thành phố, Đảng ủy các Trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội trực thuộc Thành ủy Hà Nội; Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy khối, quận, huyện, thị ủy, Đảng ủy Khu công nghiệp và chế xuất trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội (chức danh khi nghỉ hưu trước ngày 01 tháng 7 năm 2025)		3.000.000 đồng/người	Vòng hoa tối đa 1.500.000 đồng
đ	Nhóm 5: Ủy viên Ủy ban kiểm tra Thành ủy; Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường thuộc Thành phố; Cấp phó đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; Tổng giám đốc 04 Tổng công ty Nhà nước thuộc Thành phố; Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy (không bao gồm ủy viên ban thường vụ đảng ủy xã, phường); (đương chức và nghỉ hưu) Ủy viên Ban Thường vụ quận, huyện, thị ủy, Phó chủ			

TT	Đối tượng	Chế độ cấp có thẩm quyền quy định <sup>1</sup>	Chế độ chi đặc thù của Thành phố	Ghi chú
	<p>tịch Hội đồng nhân dân, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, Ủy viên Ban Thường vụ đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy (chức danh khi nghỉ hưu trước 01 tháng 7 năm 2025 và tất cả các chức danh cũ trước khi kết thúc hoạt động bảo lưu hưởng chế độ); Phó Tổng giám đốc các Tổng công ty Nhà nước thuộc Thành phố; Cấp phó các hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ thuộc Thành phố (chức danh khi nghỉ hưu trước khi quyết định phân cấp quản lý cán bộ của Thành ủy có hiệu lực) và các đối tượng còn lại thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý bảo lưu hưởng chế độ</p>			
-	<p>Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố, Đảng ủy các cơ quan Đảng Thành phố; Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy khối trực thuộc Thành ủy Hà Nội (Chức danh khi nghỉ hưu trước kết thúc hoạt động)</p>	<p>2.500.000 đồng/người và 01 vòng hoa</p>		<p>Vòng hoa tối đa 1.500.000 đồng</p>
-	<p>Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy các Trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội; Phó bí thư Đảng ủy xã, phường; Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành quận, huyện, thị ủy và Đảng ủy Khu công nghiệp và chế xuất trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội (Chức danh khi nghỉ hưu trước 01/7/2025 và kết thúc hoạt động)</p>	<p>Tối đa 1.250.000 đồng/người và 01 vòng hoa</p>	<p>Hỗ trợ thêm 1.250.000 đồng/người</p>	<p>Vòng hoa tối đa 1.500.000 đồng</p>
-	<p>Cán bộ giữ chức danh tại điểm đ nêu trên (trừ Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố, Đảng ủy các cơ quan Đảng Thành phố, Đảng ủy các Trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội; Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy khối, quận, huyện, thị ủy, Đảng ủy Khu công nghiệp và chế xuất trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội (chức danh khi nghỉ hưu trước 01 tháng 7 năm 2025 và kết thúc hoạt động)</p>		<p>2.500.000 đồng/người</p>	<p>Vòng hoa tối đa 1.500.000 đồng</p>

TT	Đối tượng	Chế độ cấp có thẩm quyền quy định <sup>1</sup>	Chế độ chi đặc thù của Thành phố	Ghi chú
e	Nhóm 6: Cán bộ Lão thành cách mạng đang cư trú và hưởng chế độ trợ cấp tại các xã, phường trực thuộc thành phố Hà Nội		01 vòng hoa (tối đa 1.500.000 đồng) và tiền phúng viếng bằng 4.000.000 đồng/người	
g	Nhóm 7: Cán bộ Tiền khởi nghĩa đang cư trú và hưởng chế độ trợ cấp tại các xã, phường thuộc thành phố Hà Nội		01 vòng hoa (tối đa 1.500.000 đồng) và tiền phúng viếng bằng 3.000.000 đồng/người	
h	Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Đảng viên được tặng Huy hiệu 70 năm tuổi Đảng trở lên; Bố, mẹ đẻ; bố, mẹ vợ (chồng); vợ (chồng); con của cán bộ giữ các chức danh nêu tại điểm a, b, c, d, đ			
-	Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Đảng viên được tặng Huy hiệu 70 năm tuổi Đảng trở lên		01 vòng hoa (tối đa 1.500.000 đồng) và tiền phúng viếng bằng 2.000.000 đồng/người	
-	Bố, mẹ đẻ; bố, mẹ vợ (chồng); vợ (chồng); con của cán bộ giữ các chức danh nêu tại điểm a, b, c, d, đ, trong đó:			
	- Cán bộ giữ các chức danh nêu tại điểm a, b, c, d, đ là Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ thành phố Hà Nội	1.500.000 đồng/người và 01 vòng hoa	Hỗ trợ thêm 500.000 đồng/người	Vòng hoa tối đa 1.500.000 đồng
	- Cán bộ giữ các chức danh nêu tại điểm a, b, c, d, đ là Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố, Đảng ủy các cơ quan Đảng Thành phố (bảo lưu chức danh nghỉ hưu trước khi kết thúc hoạt động của Đảng ủy Khối trực thuộc Thành ủy hưởng chế độ)	1.500.000 đồng/người và 01 vòng hoa	Hỗ trợ thêm 500.000 đồng/người	Vòng hoa tối đa 1.500.000 đồng

TT	Đối tượng	Chế độ cấp có thẩm quyền quy định <sup>1</sup>	Chế độ chi đặc thù của Thành phố	Ghi chú
	<p>- Cán bộ giữ các chức danh nêu tại điểm a, b, c, d, đ là Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy các trường Đại học, cao đẳng Hà Nội; Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành quận, huyện, thị ủy; Đảng ủy khu công nghiệp và chế xuất trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội (chức danh nghỉ hưu trước 01 tháng 7 năm 2025 và kết thúc hoạt động bảo lưu hưởng chế độ);</p>	<p>750.000 đồng/người và 01 vòng hoa</p>	<p>Hỗ trợ thêm 1.250.000 đồng/người</p>	<p>Vòng hoa tối đa 1.500.000 đồng</p>
	<p>- Cán bộ giữ các chức danh nêu tại điểm a, b, c, d, đ (trừ Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ Thành phố; Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố, Đảng ủy các cơ quan Đảng Thành phố, Đảng ủy các Trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội) (bổ sung bảo lưu chức danh nghỉ hưu trước 01/7/2025 của quận, huyện, thị ủy và kết thúc hoạt động của Đảng ủy Khu công nghiệp chế xuất trực thuộc Thành ủy hưởng chế độ)</p>		<p>2.000.000 đồng/người</p>	<p>Vòng hoa tối đa 1.500.000 đồng</p>
i	<p>Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố, Đảng ủy các cơ quan Đảng Thành phố, Đảng ủy các Trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội, Đảng ủy các xã, phường trực thuộc Thành ủy Hà Nội (đương chức và nghỉ hưu). Ủy viên Ban Chấp hành Đảng ủy khối, quận ủy, huyện ủy, thị ủy, Đảng ủy các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội nghỉ hưu (chức danh nghỉ hưu trước 01/7/2025 và kết thúc hoạt động)</p>			
-	<p>Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố, Đảng ủy các cơ quan Đảng Thành phố, Đảng ủy các Trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội trực thuộc Thành ủy Hà Nội, Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy khối trực thuộc Thành ủy Hà Nội (Chức danh nghỉ hưu trước khi kết thúc hoạt động)</p>	<p>2.500.000 đồng/người và 01 vòng hoa</p>		<p>Vòng hoa tối đa 800.000 đồng</p>

TT	Đối tượng	Chế độ cấp có thẩm quyền quy định <sup>1</sup>	Chế độ chi đặc thù của Thành phố	Ghi chú
-	Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội, Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy các xã, phường trực thuộc Thành ủy Hà Nội; Ủy viên Ban chấp hành quận, huyện, thị ủy và Đảng ủy Khu công nghiệp và chế xuất trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội (Chức danh nghỉ hưu trước 01/7/2025 và kết thúc hoạt động)	Tối đa 1.250.000 đồng/người và 01 vòng hoa	Hỗ trợ thêm 1.250.000 đồng/người	Vòng hoa tối đa 800.000 đồng
k	Cán bộ, công chức, người lao động (kể cả người đã nghỉ hưu) làm việc tại các Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố, Đảng ủy các cơ quan đảng Thành phố, Đảng ủy các Trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội, các Đảng ủy xã, phường trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội. Cán bộ, công chức, người lao động đã nghỉ hưu làm việc tại các Đảng ủy khối, quận ủy, huyện ủy, thị ủy, Đảng ủy các khu công nghiệp và chế xuất trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội (Chức danh nghỉ hưu trước 01/7/2025 và kết thúc hoạt động)			
-	Cán bộ, công chức, người lao động (kể cả người đã nghỉ hưu) làm việc tại các Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố, Đảng ủy các cơ quan đảng Thành phố. Cán bộ, công chức, người lao động đã nghỉ hưu làm việc tại các Đảng ủy khối trực thuộc Thành ủy Hà Nội (Chức danh nghỉ hưu trước khi kết thúc hoạt động)	2.000.000 đồng/người và 01 vòng hoa		Vòng hoa tối đa 800.000 đồng
-	Cán bộ, công chức, người lao động (kể cả người đã nghỉ hưu) làm việc tại Đảng ủy các Trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội; Đảng ủy xã, phường trực thuộc Đảng bộ Thành phố Hà Nội; Cán bộ, công chức, người lao động đã nghỉ hưu làm việc tại các quận, huyện, thị ủy, Đảng ủy các khu công nghiệp và chế xuất trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội. (Chức danh nghỉ hưu trước 01 tháng 7 năm 2025 và kết thúc hoạt động)	1.000.000 đồng/người và 01 vòng hoa	Hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/người	Vòng hoa tối đa 800.000 đồng

TT	Đối tượng	Chế độ cấp có thẩm quyền quy định <sup>1</sup>	Chế độ chi đặc thù của Thành phố	Ghi chú
1	Bố, mẹ đẻ; bố, mẹ vợ (chồng); vợ (chồng); con của cán bộ giữ các chức danh nêu tại điểm i, trong đó:			
-	Cán bộ giữ các chức danh nêu tại điểm i là: Ủy viên Ban Chấp hành Đảng ủy UBND Thành phố, Đảng ủy các cơ quan đảng Thành phố. Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy khối trực thuộc Thành ủy Hà Nội (chức danh nghỉ hưu trước khi kết thúc hoạt động);	1.500.000 đồng/người và 01 vòng hoa		Vòng hoa tối đa 800.000 đồng
-	Cán bộ giữ các chức danh nêu tại điểm i là: Ủy viên Ban Chấp hành Đảng ủy các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội; Ủy viên Ban chấp hành xã, phường trực thuộc Đảng bộ Thành phố Hà Nội; Ủy viên Ban chấp hành quận, huyện, thị ủy; Đảng ủy khu công nghiệp và chế xuất trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội; (chức danh nghỉ hưu trước 01 tháng 7 năm 2025 và kết thúc hoạt động);	Tối đa 750.000 đồng/người và 01 vòng hoa	Hỗ trợ thêm 750.000 đồng/người	Vòng hoa tối đa 800.000 đồng
m	Bố, mẹ đẻ; bố, mẹ vợ (chồng); vợ (chồng); con của cán bộ giữ các chức danh nêu tại điểm k, trong đó:			
-	Cán bộ giữ các chức danh nêu tại điểm k là Cán bộ, công chức, người lao động công tác tại Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố, Đảng ủy các cơ quan Đảng Thành phố; các Đảng ủy khối trực thuộc Thành ủy Hà Nội (chức danh nghỉ hưu trước khi kết thúc hoạt động);	1.000.000 đồng/người và 01 vòng hoa		Vòng hoa tối đa 800.000 đồng
-	Cán bộ giữ các chức danh nêu tại điểm k là Cán bộ, công chức, người lao động công tác tại Đảng ủy các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội; các Đảng ủy xã, phường trực thuộc Đảng bộ Thành phố Hà Nội; các quận, huyện, thị ủy; Đảng ủy khu công nghiệp và chế xuất trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội (chức danh nghỉ hưu trước 01/7/2025 và kết thúc hoạt động);	Tối đa 500.000 đồng/người và 01 vòng hoa	Hỗ trợ thêm 500.000 đồng/người	Vòng hoa tối đa 800.000 đồng

TT	Đối tượng	Chế độ cấp có thẩm quyền quy định <sup>1</sup>	Chế độ chi đặc thù của Thành phố	Ghi chú
<b>II</b>	<b>Quy định chế độ tiền thưởng kèm theo Huy hiệu từ 70 năm tuổi Đảng trở lên</b> (Mức chi tiền thưởng kèm theo Huy hiệu Đảng sau khi nhân với hệ số mức tiền lương cơ sở được làm tròn lên số hàng trăm nghìn đồng)			
1	Huy hiệu 70 năm tuổi Đảng	8,0 lần mức lương cơ sở	Hỗ trợ thêm 1,5 lần mức lương cơ sở	
2	Huy hiệu 75 năm tuổi Đảng	10 lần mức lương cơ sở	Hỗ trợ thêm 4,0 lần mức lương cơ sở	
3	Huy hiệu 80 năm tuổi Đảng	15 lần mức lương cơ sở	Hỗ trợ thêm 4,0 lần mức lương cơ sở	
4	Huy hiệu 85 năm tuổi Đảng	20 lần mức lương cơ sở	Hỗ trợ thêm 3,5 lần mức lương cơ sở	
5	Huy hiệu 90 năm tuổi Đảng	25 lần mức lương cơ sở	Hỗ trợ thêm 3,0 lần mức lương cơ sở	

Trường hợp một cán bộ thuộc nhiều nhóm đối tượng thì chỉ được hưởng một chế độ cao nhất.

Trường hợp các chức danh thuộc quận, huyện, thị đã nghỉ hưu trước 01/7/2025 và các chức danh thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã nghỉ hưu trước khi kết thúc hoạt động thì được bảo lưu hưởng chế độ.

**Phụ lục II****QUY ĐỊNH MỘT SỐ CHẾ ĐỘ CHI TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ĐẢNG ỦY CÁC CƠ QUAN ĐẢNG THÀNH PHỐ; ĐẢNG ỦY ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ, ĐẢNG ỦY CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG HÀ NỘI; CÁC ĐẢNG ỦY XÃ, PHƯỜNG THUỘC ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*(Kèm theo Nghị quyết số 55/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố)*

TT	Nội dung	Chế độ chi cấp có thẩm quyền quy định <sup>1</sup>	Chế độ chi đặc thù của Thành phố
	<b>Chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Đảng ủy các cơ quan Đảng Thành phố; Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố; Đảng ủy các trường Đại học và Cao đẳng Hà Nội; các Đảng ủy xã, phường trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội</b>		
1	Chế độ chi xây dựng, thẩm định các văn bản trình cấp ủy, Ban Thường vụ cấp ủy gồm nghị quyết, quy chế, quy định, đề án (Nội dung chi bao gồm: chi xây dựng kế hoạch, đề cương sơ bộ, đề cương chi tiết và biên tập, chỉnh sửa đến hoàn chỉnh văn bản; soạn thảo báo cáo giải trình (nếu có), tờ trình và văn bản chỉ đạo; chi họp, hội thảo (chế độ chi thực hiện theo quy định hiện hành); chi bồi dưỡng các bộ phận văn thư, đánh máy, in ấn, nhân sao, phát hành tài liệu, bồi dưỡng cho công tác lập dự toán và quyết toán kinh phí)		
a	Chi xây dựng văn bản		
-	Đối với văn bản mới:		
	Văn bản do cấp ủy quyết định ban hành	Tối đa 15.000.000 đồng/ văn bản	
	Văn bản do Ban Thường vụ cấp ủy quyết định ban hành	Tối đa 10.000.000 đồng/ văn bản	
-	Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung	Tuỳ theo nội dung, phạm vi sửa đổi, tổng mức kinh phí tối đa bằng 50% văn bản mới	

<sup>1</sup> Các văn bản của Văn phòng Trung ương Đảng: Quy định số 09-QĐ/VPTW ngày 22/9/2017 quy định một số chế độ chi tiêu hoạt động của các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương; Văn bản số 14612-CV/VPTW ngày 29/4/2025 về hướng dẫn thực hiện một số chế độ chi phục vụ hoạt động của các đảng ủy mới thành lập ở địa phương; Văn bản số 15136-CV/VPTW ngày 10/6/2025 về việc hướng dẫn và bổ sung hướng dẫn thực hiện một số chế độ chi phục vụ hoạt động của các đảng ủy mới thành lập ở địa phương; Văn bản số 15779-CV/VPTW ngày 29/6/2025 về việc hướng dẫn việc bảo đảm kinh phí phục vụ hoạt động của các đảng bộ xã, phường, đặc khu thành lập mới.

TT	Nội dung	Chế độ chi cấp có thẩm quyền quy định <sup>1</sup>	Chế độ chi đặc thù của Thành phố
b	Chi cho công tác thẩm định văn bản (do cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì thẩm định chi)		
-	Văn bản trình cấp ủy	Tối đa 2.500.000 đồng/ văn bản	
-	Văn bản trình Ban Thường vụ cấp ủy	Tối đa 1.500.000 đồng/ văn bản	
2	Chế độ chi xây dựng một số văn bản khác trình cấp ủy, Ban Thường vụ cấp ủy		
-	Xây dựng chương trình làm việc toàn khoá của cấp ủy	Tối đa 10.000.000 đồng/chương trình	
-	Xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát toàn khoá của cấp ủy	Tối đa 5.000.000 đồng/chương trình	
-	Xây dựng chương trình làm việc năm của cấp ủy	Tối đa 2.500.000 đồng/chương trình.	
-	Soạn thảo chỉ thị; chương trình hành động, kế hoạch thực hiện nghị quyết (không xây dựng đề án) của cấp ủy	Tối đa 1.500.000 đồng/văn bản	
-	Xây dựng báo cáo định kỳ năm của cấp ủy	Tối đa 5.000.000 đồng/báo cáo	
-	Xây dựng báo cáo khác: Báo cáo sơ kết, tổng kết chuyên đề thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, Thành ủy; Báo cáo công tác kiểm tra, giám sát năm của cấp ủy; Báo cáo công tác tài chính đảng hàng năm và nhiệm kỳ trình cấp ủy	Tối đa 3.000.000 đồng/báo cáo	
3	Chế độ chi cho các đoàn kiểm tra, giám sát được thành lập theo quyết định của Ban Thường vụ cấp ủy (không bao gồm các đoàn theo chương trình công tác năm của cấp ủy) (Nội dung chi bao gồm: Xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát bao gồm: Kế hoạch, đề cương kiểm tra, giám sát; Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát; thông báo kết luận kiểm tra, giám sát; Chi họp đoàn kiểm tra, giám sát).	Tối đa 4.000.000 đồng/ đoàn kiểm tra, giám sát	

TT	Nội dung	Chế độ chi cấp có thẩm quyền quy định <sup>1</sup>	Chế độ chi đặc thù của Thành phố
4	Chế độ chi hội nghị	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng Nhân dân Thành phố Hà Nội quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị của Thành phố Hà Nội	
	Đối với chi hỗ trợ tiền ăn của đại biểu và khách mời một số hội nghị được quy định như sau:		
-	Hội nghị cấp ủy, hội nghị do Ban Thường vụ cấp ủy triệu tập và chủ trì (không bao gồm hội nghị thường kỳ của Ban Thường vụ)		
	Đảng ủy các cơ quan Đảng Thành phố, Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố	Tối đa 450.000 đồng/người/ngày	
	Đảng ủy các trường Đại học, cao đẳng Hà Nội	Tối đa 225.000 đồng/người/ngày	Hỗ trợ thêm 225.000 đồng/người/ngày
	Các Đảng ủy xã, phường	Tối đa 225.000 đồng/người/ngày	Hỗ trợ thêm 75.000 đồng/người/ngày
-	Hội nghị tổng kết năm của cấp ủy được chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu, khách mời trong thời gian hội nghị		
	Đảng ủy các cơ quan Đảng Thành phố, Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố	Tối đa 300.000 đồng/người/ngày	
	Đảng ủy các trường Đại học, cao đẳng Hà Nội	Tối đa 150.000 đồng/người/ngày	Hỗ trợ thêm 150.000 đồng/người/ngày
	Các Đảng ủy xã, phường	Tối đa 150.000 đồng/người/ngày	Hỗ trợ thêm 50.000 đồng/người/ngày
5	Một số chế độ khác		
a	Chế độ trang phục		
-	Chế độ hỗ trợ tiền may trang phục mỗi nhiệm kỳ đại hội Đảng đối với các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng ủy trực thuộc Thành ủy <sup>2</sup> , cụ thể:		

<sup>2</sup> Riêng các đồng chí là Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ thành phố Hà Nội hoặc là đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố thực hiện theo chế độ của Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ Thành phố hoặc đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố.

TT	Nội dung	Chế độ chi cấp có thẩm quyền quy định <sup>1</sup>	Chế độ chi đặc thù của Thành phố
	Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng ủy các cơ quan Đảng Thành phố, Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố	3.000.000 đồng/người/nhiệm kỳ	
	Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng ủy các trường Đại học, cao đẳng Hà Nội, Đảng ủy các xã, phường	Tối đa 1.500.000 đồng/người/nhiệm kỳ	Hỗ trợ thêm 1.500.000 đồng/người/nhiệm kỳ
-	Chế độ hỗ trợ tiền may trang phục mỗi năm cán bộ, công chức, người lao động làm việc tại Đảng ủy trực thuộc Thành ủy <sup>3</sup> , cụ thể làm việc tại:		
	Đảng ủy các cơ quan Đảng Thành phố, Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố	500.000 đồng/người	
	Đảng ủy các trường Đại học, cao đẳng Hà Nội; Đảng ủy các xã, phường	Tối đa 250.000 đồng/người/năm	Hỗ trợ thêm 250.000 đồng/người/năm
b	Chế độ bồi dưỡng phục vụ hoạt động cấp ủy hàng tháng		
-	Đối với cán bộ, công chức, người lao động theo hình thức hợp đồng lao động không xác định thời hạn làm việc tại Đảng ủy các cơ quan Đảng Thành phố, Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố	Tối đa 0,3 mức lương cơ sở/người/tháng	
-	Đối với cán bộ, công chức, người lao động theo hình thức hợp đồng lao động không xác định thời hạn làm việc tại Đảng ủy các trường Đại học, cao đẳng Hà Nội và Đảng ủy các xã, phường thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội	Tối đa 0,15 mức lương cơ sở/người/tháng	Hỗ trợ thêm 0,15 mức lương cơ sở/người/tháng
c	Chế độ bồi dưỡng hàng tháng đối với cán bộ, công chức làm công tác văn thư		
-	Tại Đảng ủy các cơ quan Đảng Thành phố, Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố	0,1 mức lương cơ sở/người/tháng	
-	Tại Đảng ủy các trường Đại học, cao đẳng Hà Nội và các Đảng ủy xã, phường thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội	Tối đa 0,05 mức lương cơ sở/người/tháng	Hỗ trợ thêm 0,05 mức lương cơ sở/người/tháng

<sup>3</sup> Không áp dụng quy định này: Cán bộ làm công tác cơ yếu, các đồng chí được hưởng chế độ trang phục mỗi nhiệm kỳ đại hội Đảng đối với các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng ủy trực thuộc Thành ủy.

TT	Nội dung	Chế độ chi cấp có thẩm quyền quy định <sup>1</sup>	Chế độ chi đặc thù của Thành phố
d	Chế độ tặng quà lưu niệm		
-	Cán bộ, công chức và người lao động làm việc tại Đảng ủy các cơ quan Đảng Thành phố, Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố khi nghỉ hưu.	1.000.000 đồng/người	
-	Cán bộ, công chức và người lao động làm việc tại Đảng ủy các trường Đại học, cao đẳng Hà Nội và các Đảng ủy xã, phường thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội khi nghỉ hưu.	Tối đa 500.000 đồng/người	Hỗ trợ thêm 500.000 đồng/người
-	Cán bộ, công chức và người lao động làm việc tại Đảng ủy các cơ quan Đảng Thành phố, Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố khi chuyển công tác đến các cơ quan, đơn vị không thuộc các cơ quan, đơn vị của Đảng	500.000 đồng/người	
-	Cán bộ, công chức và người lao động làm việc tại Đảng ủy các trường Đại học, cao đẳng Hà Nội và các Đảng ủy xã, phường thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội khi chuyển công tác đến các cơ quan, đơn vị không thuộc các cơ quan, đơn vị của Đảng	Tối đa 250.000 đồng/người	Hỗ trợ thêm 250.000 đồng/người

**Phụ lục III****QUY ĐỊNH MỘT SỐ CHẾ ĐỘ ĐỊNH MỨC CHI HỖ TRỢ TỔ CHỨC ĐẢNG, CÁC TỔ CHỨC ĐOÀN THỂ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TRONG CÁC DOANH NGHIỆP NGOÀI KHU VỰC NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

(Kèm theo Nghị quyết số 55/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố)

TT	Nội dung	Chế độ chi cấp có thẩm quyền quy định <sup>1</sup>	Chế độ chi đặc thù của Thành phố
<b>I</b>	<b>Chế độ, định mức chi hỗ trợ tổ chức Đảng trong các doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước</b>		
1	Chi hỗ trợ thành lập mới - Đối tượng áp dụng cho Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố; Đảng ủy các xã, phường trực thuộc Thành ủy Hà Nội. - Nội dung chi bao gồm: Hỗ trợ khảo sát tình hình thực tế tại đơn vị, hỗ trợ đi lại của cán bộ; tuyên truyền, vận động, tổ chức thành lập; hỗ trợ cho các tổ chức đảng mới thành lập,... nhằm phát triển được tổ chức đảng mới trong doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước <sup>2</sup>		20.000.000 đồng/1 tổ chức đảng thành lập mới
2	Chi hỗ trợ kinh phí hoạt động (Nội dung chi: hỗ trợ kinh phí hoạt động thường xuyên của tổ chức cơ sở đảng (văn phòng phẩm, thông tin, tuyên truyền, chi hội nghị, chi công tác xây dựng Đảng và các chi phí đảng vụ khác,...) <sup>3</sup> . Định mức chi như sau <sup>4</sup> :		
a	Đối với các tổ chức cơ sở đảng (chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở) trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước		
-	Có 30 đảng viên trở xuống		15.000.000 đồng/chi bộ/năm

<sup>1</sup> Quy định số 169-QĐ/TW ngày 24/6/2008 của Ban Chấp hành Trung ương về chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với cấp ủy viên các cấp.

<sup>2</sup> Thường trực cấp ủy quyết định mức chi cụ thể cho các nội dung công việc, với tổng số chi hỗ trợ không vượt quá định mức nêu trên.

<sup>3</sup> Riêng khoản chi mua báo, tạp chí, tài liệu; chi khen thưởng; chi tổ chức đại hội đảng được thực hiện theo quy định, hướng dẫn chung của Trung ương Đảng.

<sup>4</sup> Kinh phí hỗ trợ chi phí hoạt động và hỗ trợ cho cán bộ làm công tác đảng trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước được ngân sách Thành phố bảo đảm theo nguyên tắc ngân sách cấp phần chênh lệch giữa dự toán chi được xác định theo định mức chi nêu trên với các nguồn thu theo quy định của Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam và các quy định khác của Trung ương Đảng; quy định tại Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

TT	Nội dung	Chế độ chi cấp có thẩm quyền quy định <sup>1</sup>	Chế độ chi đặc thù của Thành phố
-	Từ đảng viên thứ 31 đến đảng viên thứ 100		600.000 đồng/đảng viên/năm
-	Từ đảng viên thứ 101 đến đảng viên thứ 200		500.000 đồng/đảng viên/năm
-	Từ đảng viên thứ 201 đến đảng viên thứ 300		300.000 đồng/đảng viên/năm
-	Từ đảng viên thứ 301 trở lên		150.000 đồng/đảng viên/năm
b	Đối với các chi bộ trực thuộc Đảng ủy cơ sở, đảng ủy doanh nghiệp (tại những nơi thành lập) trực thuộc Đảng bộ xã, phường.		8.000.000 đồng/chi bộ/năm
3	Chi hỗ trợ cho cán bộ làm công tác đảng tại các doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước <sup>4</sup>		
-	Ủy viên ban chấp hành đảng bộ (chi bộ) cơ sở trực thuộc Đảng bộ xã, phường.	0,3 mức lương cơ sở/người/tháng	
-	Ủy viên ban chấp hành chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở, đảng ủy doanh nghiệp (tại những nơi thành lập) trực thuộc Đảng bộ xã, phường.		300.000 đồng/người/tháng
<b>II</b>	<b>Chế độ, định mức chi hỗ trợ tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội trong các doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước</b>		
1	Chi hỗ trợ thành lập mới tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội - Đối tượng áp dụng: tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội liên hiệp thanh niên. - Nội dung chi: hỗ trợ khảo sát tình hình thực tế tại đơn vị, hỗ trợ đi lại của cán bộ; tuyên truyền, vận động; tổ chức thành lập; hỗ trợ tổ chức lễ ra mắt, hỗ trợ cho tổ chức đoàn thể mới thành lập... <sup>5</sup>		7.000.000 đồng/1 tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội mới thành lập
2	Chi hỗ trợ kinh phí hoạt động của các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội		

<sup>5</sup> Lãnh đạo các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội quyết định mức chi cụ thể cho các nội dung công việc, với tổng số chi không quá định mức nêu trên.

TT	Nội dung	Chế độ chi cấp có thẩm quyền quy định <sup>1</sup>	Chế độ chi đặc thù của Thành phố
a	Đối với tổ chức Đoàn Thanh niên - Hội liên hiệp thanh niên trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước tương đương cấp xã trực thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội.		
-	Tổ chức Đoàn thanh niên trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước (tương đương tổ chức Đoàn cấp xã).		50.000.000 đồng/đơn vị/năm
-	Hội Liên hiệp thanh niên trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước (tương đương tổ chức Hội cấp xã).		20.000.000 đồng/đơn vị/năm
b	Tổ chức Đoàn Thanh niên - Hội liên hiệp thanh niên trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước tương đương cấp xã trực thuộc Đoàn Thanh niên - Hội Liên hiệp thanh niên xã, phường.		
-	Tổ chức Đoàn thanh niên trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước (trực thuộc tổ chức Đoàn cấp xã)		10.000.000 đồng/đơn vị/năm
-	Hội liên hiệp thanh niên trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước (trực thuộc tổ chức Hội cấp xã).		5.000.000 đồng/đơn vị/năm
3	Chi hỗ trợ cán bộ làm công tác đoàn thể trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước.		
a	Đối với tổ chức Đoàn thanh niên trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước tương đương cấp xã trực thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội.		
-	Bí thư Đoàn thanh niên (tương đương cấp xã).		600.000 đồng/người/tháng
-	Phó Bí thư Đoàn thanh niên (tương đương cấp xã).		400.000 đồng/người/tháng
b	Đối với tổ chức Đoàn thanh niên trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước trực thuộc cấp xã.		
-	Bí thư Đoàn cơ sở		250.000 đồng/người/tháng
-	Phó Bí thư Đoàn cơ sở		150.000 đồng/người/tháng

TT	Nội dung	Chế độ chi cấp có thẩm quyền quy định <sup>1</sup>	Chế độ chi đặc thù của Thành phố
c	Đối với tổ chức Công đoàn		Chế độ phụ cấp cán bộ Công đoàn cơ sở tại các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước thực hiện theo quy định của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. Trường hợp tổ chức Công đoàn tại các doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước gặp khó khăn về kinh phí, không thể chi phụ cấp kiêm nhiệm đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Công đoàn, thì được ngân sách Thành phố hỗ trợ kinh phí chi phụ cấp kiêm nhiệm cho Chủ tịch, Phó Chủ tịch Công đoàn cơ sở, với mức chi bằng 50% mức phụ cấp theo quy định của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam.